

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *21* /2016/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *10* tháng 7 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định một số nội dung về chúc thọ, mừng thọ và trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 21/2011/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ và biểu dương khen thưởng người cao tuổi;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 2 và Khoản 4 Điều 11 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014;

Xét đề nghị của liên sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính tại Tờ trình số 111/TTr-SLĐTBXH-STC ngày 25 tháng 3 năm 2016; Công văn số 104/STP-XD&KTrVB ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Sở Tư pháp,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về chúc thọ, mừng thọ và trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt mức trợ cấp, trợ giúp đối với người cao tuổi; nội dung chi, mức chi chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú và chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Ban Đại diện Hội người cao tuổi tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *N. Hòa*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - Văn phòng Chính phủ;
  - Bộ Tài chính;
  - Bộ Tư pháp;
  - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
  - Cục Bảo trợ xã hội;
  - Thường trực Tỉnh ủy;
  - Thường trực HĐND tỉnh;
  - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
  - Ủy ban MTTQ tỉnh;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
  - Trung tâm Thông tin tỉnh;
  - Lưu: VT, KGVX, KT.
- (Dunglq/QĐ.03.06/90b) *h*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trịnh Việt Hùng**

**QUY ĐỊNH**

**Một số nội dung về chúc thọ, mừng thọ và trợ cấp xã hội  
hàng tháng đối với người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21 /2016/QĐ-UBND ngày 10/7/2016  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi thọ 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 và trên 100 tuổi; mức quà tặng, chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi thọ 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 và trên 100 tuổi; cấp Thiếp mừng thọ cho người cao tuổi thọ 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 và trên 100 tuổi; trao quà, Thiếp mừng thọ cho người cao tuổi; trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi.

**Điều 2. Đối tượng điều chỉnh**

1. Người cao tuổi thọ 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 và trên 100 tuổi được quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP; người cao tuổi được quy định tại điểm a, Khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 21/2011/TT-BTC.

2. Người cao tuổi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được quy định tại điểm a, b, c Khoản 5 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung được quy định trong quyết định này.

**Điều 3. Chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi**

1. Người cao tuổi thọ 100 tuổi được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chúc thọ và tặng quà.

2. Người cao tuổi thọ 90, 95 và trên 100 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chúc thọ và tặng quà.

3. Người cao tuổi thọ 80, 85 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã chúc thọ và tặng quà.

4. Người cao tuổi thọ 70, 75 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chúc thọ và tặng quà.

5. Căn cứ vào chứng minh thư nhân dân hoặc sổ hộ khẩu, giấy khai sinh của người cao tuổi để xác định độ tuổi chúc thọ, mừng thọ. Trường hợp có sự không thống nhất trong các giấy tờ thì xác định năm sinh theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

#### **Điều 4. Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ**

1. Người cao tuổi thọ trên 100 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chúc thọ và tặng quà gồm hiện vật trị giá 200.000 đồng và 500.000 đồng tiền mặt.

2. Người cao tuổi thọ 100 tuổi được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chúc thọ và tặng quà gồm 5 mét vải lụa và 500.000 đồng tiền mặt.

3. Người cao tuổi thọ 95 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chúc thọ và tặng quà gồm hiện vật trị giá 150.000 đồng và 400.000 đồng tiền mặt.

4. Người cao tuổi thọ 90 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chúc thọ và tặng quà gồm hiện vật trị giá 100.000 đồng và 300.000 đồng tiền mặt.

5. Người cao tuổi thọ 85 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã chúc thọ và tặng quà gồm hiện vật trị giá 70.000 đồng và 300.000 đồng tiền mặt.

6. Người người cao tuổi thọ 80 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã chúc thọ và tặng quà gồm hiện vật trị giá 50.000 đồng và 250.000 đồng tiền mặt.

7. Người cao tuổi thọ 75 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chúc thọ và tặng quà gồm hiện vật trị giá 50.000 đồng và 200.000 đồng tiền mặt.

8. Người cao tuổi thọ 70 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chúc thọ và tặng quà gồm hiện vật trị giá 50.000 đồng và 150.000 đồng tiền mặt.

9. Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi thọ 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi nêu trên bắt đầu thực hiện từ năm 2017.

10. Kinh phí quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi thọ 90, 100 tuổi được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Kinh phí quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi thọ 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

## **Điều 5. Cấp Thiếp mừng thọ**

1. Người cao tuổi thọ 100 tuổi được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp Thiếp mừng thọ.

2. Người cao tuổi thọ 90, 95 tuổi và trên 100 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Thiếp mừng thọ.

3. Người cao tuổi thọ 80, 85 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã cấp Thiếp mừng thọ.

4. Người cao tuổi thọ 70, 75 tuổi nếu không là hội viên người cao tuổi (không có Giấy mừng thọ) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp Thiếp mừng thọ.

5. Người cao tuổi trong độ tuổi chúc thọ, mừng thọ được cấp Thiếp mừng thọ hoặc Giấy mừng thọ kèm theo 01 khung để đựng Thiếp hoặc Giấy mừng thọ.

6. Thiếp mừng thọ cho người cao tuổi tại Khoản 2, 3, 4 thực hiện theo nội dung mẫu chúc thọ của Chủ tịch nước đối với người 100 tuổi. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mẫu Thiếp mừng thọ để áp dụng chung cho toàn tỉnh.

7. Việc cấp Thiếp mừng thọ cho người cao tuổi thọ 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi bắt đầu thực hiện từ năm 2017.

8. Kinh phí cấp Thiếp mừng thọ và khung đựng thiếp cho người cao tuổi thọ 90, 95, 100 và trên 100 được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Kinh phí cấp Thiếp mừng thọ và khung đựng Thiếp mừng thọ cho người cao tuổi thọ 80, 85 được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Kinh phí cấp Thiếp mừng thọ và khung đựng Thiếp hoặc Giấy mừng thọ cho người cao tuổi thọ 70, 75 được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

## **Điều 6. Trao quà, Thiếp mừng thọ cho người cao tuổi**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền việc trao quà, Thiếp mừng thọ của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với người thọ 90, 95, 100 và trên 100 tuổi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện theo quy định về tổ chức chúc thọ, mừng thọ.

2. Người cao tuổi được chúc thọ ở các độ tuổi còn lại do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp chúc thọ, mừng thọ thực hiện chúc thọ, mừng thọ và trao quà, Thiếp mừng thọ theo quy định.

## **Điều 7. Trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi**

1. Mức trợ cấp, đối tượng trợ cấp, hệ số trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi quy định tại Khoản 1 Điều 4; điểm a, b, c Khoản 5 Điều 5; điểm i, k, l, m Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC và Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

2. Căn cứ xác định người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

a) Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP là người có ngày sinh, tháng sinh, năm sinh trong giấy khai sinh từ đủ 80 tuổi trở lên.

b) Trường hợp người cao tuổi có giấy khai sinh không xác định được ngày sinh, tháng sinh thì ngày sinh, tháng sinh, năm sinh là ngày 01 tháng 01 của năm sinh ghi trong Giấy khai sinh; trường hợp xác định được tháng sinh, năm sinh nhưng không xác định được ngày sinh thì ngày sinh là ngày 01 của tháng sinh, năm sinh đó.

c) Trường hợp người cao tuổi không có giấy khai sinh nhưng có hồ sơ, giấy tờ cá nhân như: Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, học bạ, bằng tốt nghiệp, lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên... mà trong các hồ sơ, giấy tờ nói trên ghi thống nhất về ngày sinh, tháng sinh, năm sinh thì xác định theo ngày, tháng, năm sinh đó. Trường hợp trong các giấy tờ này ghi thiếu các dữ liệu về ngày sinh, tháng sinh thì áp dụng nguyên tắc quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này để xác định ngày sinh, tháng sinh, năm sinh.

d) Trường hợp ngày sinh, tháng sinh ghi trong các hồ sơ, giấy tờ nói trên tại điểm c Khoản 2 Điều này không thống nhất, thì việc xác định ngày sinh, tháng, năm sinh thực hiện theo quy định của pháp luật về hộ tịch làm cơ sở tính trợ cấp xã hội hàng tháng cho người cao tuổi.

## **Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan**

### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

a) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội và chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi; phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mẫu Thiếp mừng thọ để thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh.

b) Hàng năm trên cơ sở danh sách đề nghị của Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh thực hiện lập dự toán kinh phí quà tặng chúc thọ, mừng thọ, mua khung đựng Thiếp mừng thọ cho người cao tuổi thọ 90, 95, 100 và trên 100

tuổi; đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng quà và cấp Thiếp mừng thọ cho người cao tuổi thọ 90, 95 và trên 100 tuổi.

c) Chuyển Thiếp mừng thọ kèm theo khung đựng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Chuyển kinh phí quà tặng, chúc thọ mừng thọ của người cao tuổi thọ 90, trên 100 tuổi cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

đ) Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định tại Quyết định này.

## 2. Sở Tài chính

a) Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp dự toán kinh phí chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi thọ 90, 100 tuổi và dự toán kinh phí mua khung đựng Thiếp mừng thọ cho người thọ 90, 95, 100 và trên 100 tuổi do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị.

b) Thẩm định và tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chúc thọ, mừng thọ và trợ cấp xã hội cho người cao tuổi do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã đề nghị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

c) Hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các nội dung chi trợ cấp xã hội và chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi theo quy định.

3. Sở Tư pháp chỉ đạo Phòng Tư pháp hướng dẫn cán bộ Tư pháp - Hộ tịch cấp xã thực hiện đăng ký khai sinh cho người cao tuổi trong trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

## 4. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi trên địa bàn đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, phù hợp với nếp sống văn hoá, phong tục, tập quán của địa phương; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng mẫu Thiếp mừng thọ để thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh.

b) Hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định có liên quan tại Quyết định này.

## 5. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh

a) Hàng năm có trách nhiệm lập danh sách gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị cấp Thiếp mừng thọ cho người cao tuổi thọ 90, 95, 100 và trên 100 tuổi; đề nghị chúc thọ, tặng quà cho người cao tuổi thọ 90, 95, 100 và trên 100 tuổi.

b) Chi đạo Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện hàng năm thống nhất với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc lập danh sách, đề nghị phê duyệt danh sách chúc thọ, mừng thọ và chi chúc thọ, mừng thọ đảm bảo đúng, đủ đối tượng theo quy định. Thông tin của người được chúc thọ, mừng thọ phải thống nhất ghi rõ họ và tên; năm sinh; nơi thường trú (tổ dân phố/thôn/xóm; xã/phường/thị trấn; huyện/thị xã/thành phố).

c) Hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về trợ cấp xã hội và chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi trên địa bàn.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Lập danh sách, đề nghị chúc thọ, mừng thọ, cấp Thiếp mừng thọ và lập hồ sơ đề nghị trợ cấp xã hội theo quy định.

b) Quyết định chúc thọ, mừng thọ và trợ cấp xã hội cho người cao tuổi theo quy định tại quyết định này và các quy định của pháp luật hiện hành.

c) Tổng hợp dự toán kinh phí quà tặng chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi thọ 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã thẩm định phê duyệt.

d) Chi chúc thọ, mừng thọ và cấp Thiếp mừng thọ cho người cao tuổi thuộc thẩm quyền và Ủy ban nhân dân tinh ủy quyền;

đ) Kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về trợ cấp xã hội và chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi trên địa bàn.

e) Tiếp nhận Thiếp mừng thọ (Thiếp và khung đựng) cho người thọ 90, 95, 100 và trên 100 tuổi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tinh ủy quyền.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn hàng năm có trách nhiệm rà soát, lập danh sách người cao tuổi được tặng quà chúc thọ, mừng thọ và cấp thiếp mừng thọ trên địa bàn; xây dựng dự toán kinh phí quà tặng chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi thọ 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; thực hiện chi chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi trên địa bàn theo quy định.

## **Điều 9. Điều khoản thi hành**

1. Công tác lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán hiện hành và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Các quy định về nội dung chi, mức chi chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú, kinh phí biểu dương khen thưởng người cao tuổi có thành tích xuất sắc thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2011/TT-BTC; hỗ trợ mai táng phí đối với người cao tuổi thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC và Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại quy định này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đó. Các nội dung khác có liên quan thực hiện theo quy định của Luật Người cao tuổi và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, thống nhất với các đơn vị liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trịnh Việt Hùng**

